TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2024
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy Phượng

Ông Ngô Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thụy Thùy T, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số F, T, Phường A, Q, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Thạch M, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trịnh Thụy Thùy T là nguyên đơn vắng mặt và có lời khai như sau: Chị với anh Thạch M chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại U, Quận H, TP Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Thạch Tú M1, sinh ngày 27/02/2008 và Thạch Mẫn Đ, sinh ngày 29/9/2013. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn là do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, luôn xảy ra cãi vã, sống chung không hạnh phúc. Nay cảm thấy đời sống hôn nhân với anh M rất ngột ngạc không thoải mái vui vẻ tình trạng hôn nhân của của vợ chồng đã rất nghiêm trọng không thể có tiếng nói chung được, anh M thường xuyên

uống rượu, không quan đến gia đình, làm có tiền thì tự anh M tiêu xài riêng, không phụ giúp chị nuôi con. Hiện nay manh ai người ấy sống không còn quan tâm nhau. Do đó, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Chị cũng không còn tình cảm với anh M nên yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch M.

Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu được nuôi hai con tên Thạch Tú M1, sinh ngày 27/02/2008 và Thạch Mẫn Đ, sinh ngày 29/9/2013 và tôi không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Thạch M là bị đơn vắng mặt và có lời khai như sau: Anh và T chung sống năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại U, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian chung sống có hai con chung tên Thạch Tú M1, sinh ngày 27/02/2008 và Thạch Mẫn Đ, sinh ngày 29/9/2013. Nguyên nhân mẫu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn là do vợ không muốn chung sống với anh nên ngày càng xa lánh, tình cảm lạnh nhạt nên anh về quê sống và mơ cửa hàng giao gas dân dụng, còn vợ thì sống ở Thành phố Hồ Chí Minh và hai con đang ở cùng T và đi học ở T. Do tình cảm vợ chồng hai nơi sẽ không thuận lợi trong việc chăm sóc vợ con nên anh nhiều lần kêu vợ về quê chung sống nhưng vợ không về mà cương quyết ly hôn với anh. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất ly hôn chị Trịnh Thụy Thùy T.

Về con chung: Anh thống nhất giao hai con chung tên Thạch Tú M1, sinh ngày 27/02/2008 và Thạch Mẫn Đ, sinh ngày 29/9/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Thạch Tú M1 và Thạch Mẫn Đ: M1 và Đ là con chung của bà T và ông M. Nay cha mẹ ly hôn, M1 và Đ có nguyện vọng sống với mẹ là chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thụy Thùy T được ly hôn với anh Thạch M. Về con chung: Giao hai con chung tên Thạch Tú M1, sinh ngày 27/02/2008 và Thạch Mẫn Đ, sinh ngày 29/9/2013 cho chị Trịnh Thụy Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Thạch M cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chunng: Chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Trịnh Thụy Thùy T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trông tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Trịnh Thụy Thùy T; lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án là anh Thạch M có hộ khẩu thường trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thụy Thùy T là nguyên đơn và anh Thạch M là bị đơn trong vụ án vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M đều khai nhận anh chị chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị T và anh M được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc yêu cầu ly hôn là do chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M không hợp nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau và cũng không còn chung sống với nhau. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh M và anh M thống nhất ly hôn với chị T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì biết được giữa chị T và anh M có xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày lạnh nhạt. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải động viên cho chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M đoàn tụ lại với nhau và cùng nhau chung sống để xây dựng hôn nhân hạnh phúc nhưng anh M không đến Tòa hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không có ý nghĩa. Căn cứ vào Điều 51; 56

Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp, không trái pháp luật.

[5] Về con chung: Chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M thống nhất giao hai con chung tên Thạch Tú M1, sinh ngày 27/02/2008 và Thạch Mẫn Đ, sinh ngày 29/9/2013 cho T trực tiếp nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

[6] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc chị Trịnh Thụy Thùy T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thụy Thùy T.

Về hôn nhân: Chị Trịnh Thụy Thùy T được ly hôn với anh Thạch M.

Về con chung: Giao hai con chung tên Thạch Tú M1, sinh ngày 27/02/2008 và Thạch Mẫn Đ, sinh ngày 29/9/2013 cho Trịnh Thụy Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con M1 và Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thụy Thùy T không yêu cầu anh Thạch M cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình

không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Trịnh Thụy Thùy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000854 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè; chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thụy Thùy T và anh Thạch M được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai